

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Phạm Danh Hiếu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tạ Mạnh Th, sinh năm: 1981; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HR, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Trương Thị Kim L, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Tạ Mạnh Th trình bày:

Anh và chị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 26 tháng 02 năm 2014. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu

năm 2019 cho đến nay. Do hiện tại tình cảm không còn anh Th yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Hữu Th, sinh ngày 28/10/2013, hiện đang sống chung với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trương Thị Kim L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng Chị vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Riêng chị không tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Th.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Th có đơn khởi kiện đối với chị L. Bị đơn chị L đang cư trú tại xã B Đ, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G C, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Th xin ly hôn với chị L, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Th có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Anh Th chung sống với chị L từ năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 26 tháng 02 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của Anh và Chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đối với bị đơn chị L từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy chị L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh Th đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà anh Th và chị L cũng không có

biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Th là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Tạ Hữu Th, sinh ngày 28/10/2013, hiện đang sống với chung với anh Th. Khi ly hôn anh Th yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại anh Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương), cháu Th cũng có nguyện vọng được sống chung với anh Th. Do đó giao cháu Th cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Mạnh Th. Anh Tạ Mạnh Th được ly hôn với chị Trương Thị Kim L.

2. Về con chung: Anh Tạ Mạnh Th được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Tạ Hữu Th, sinh ngày 28/10/2013.

Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Tạ Mạnh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số

43654 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã BĐ, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thừa

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gò Công, ngày 29 tháng 5 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Danh Hiếu;
2. Ông Hoàng Duy Hùng;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tạ Mạnh Thi, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: ấp Hồng Rạng, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Chị Trương Thị Kim Loan, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp Hòa Thân, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: tranh chấp “Ly hôn”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

3. Quyết định xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Mạnh Thi. Anh Tạ Mạnh Thi được ly hôn với chị Trương Thị Kim Loan.

2. Về con chung: Anh Tạ Mạnh Thi được trực tiếp nuôi 01 con chung tên Tạ Hữu Thiện, sinh ngày 28/10/2013.

Chị Loan không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thi không có yêu cầu.

Chị Loan được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Tạ Mạnh Thi phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43654 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc 10 giờ 30 phút ngày 29 tháng 5 năm 2020, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

